

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2024/DS-PT

Ngày: 13/3/2024

V/v tranh chấp đòi tài sản và bồi
thường thiệt hại do danh dự, nhân
phẩm, uy tín bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 586/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 419/2024/QĐPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 213, Tổ 22, ấp P, xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962; địa chỉ: khu phố 5, phường Ph, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 84C, ấp 2B, xã Nh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thái Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2014, con bà H là anh Lê A tốt nghiệp chuyên ngành Y sĩ đa khoa nhưng không xin được việc làm. Thông qua người quen giới thiệu, bà H gặp bà Huỳnh Thị P, bà P hứa hẹn có thể xin cho anh Lê A vào làm chính thức tại Bệnh viện T nhưng phải có quà cáp bồi dưỡng. Khoảng cuối tháng 8/2017, bà H có đưa cho bà P 10.000.000 đồng tại quán N hẻm TN, Phường 4, Thành Phố Bến Tre để bà chạy lo thủ tục. Lúc đưa không có làm biên nhận nhưng có mặt con gái bà là chị M chứng kiến. Bà P nói với bà H là muốn xin được việc làm phải tiếp tục đưa thêm 80.000.000 đồng, bà bao trọn gói để chạy lo thủ tục. Ngày 26/9/2017, bà H giao cho bà P số tiền 80.000.000 đồng tại quán cà phê Ngọc Hương, bà P có làm biên nhận cho bà H. Bà P nói với bà H nghề nghiệp của bà là Bác sĩ làm ở Trung tâm SK có quen nhiều mối lớn nên chắc chắn xin được việc làm cho anh Lê A, nếu không xin được cho anh Lê A, bà sẽ trả lại đủ số tiền mà bà H đã đưa cho bà. Sau đó, bà H không trực tiếp gặp bà P mà mọi việc đều liên lạc qua điện thoại. Tổng cộng, bà P nhận của bà 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Sau khi nhận tiền, bà P cứ hẹn lần lượt rồi không nghe điện thoại của bà H nữa. Anh Lê A thực tập không lương tại Bệnh viện T đến tháng 12/2017 thì hết thời gian thực tập nhưng không được cấp Chứng chỉ hành nghề và cũng không được ký Hợp đồng lao động tại bệnh viện. Sau khi tìm hiểu, bà H được biết bà P không phải là bác sĩ, chỉ là nhân viên của Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe và trung tâm này đã giải thể từ lâu. Anh Lê A đã đến yêu cầu bà P trả lại tiền nhưng bà P không gặp và cũng không trả lại tiền cho bà H như đã hứa hẹn. Ngày 15/02/2022, bà H gởi đơn Tố giác bà P có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công An thành phố B. Ngày 15/6/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công An thành phố B đã ra Quyết định không khởi tố vụ án với lý do hành vi của bà P không cấu thành tội lừa đảo và hướng dẫn bà H làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre giải quyết: Buộc bà Huỳnh Thị P trả lại số tiền 90.000.000 đồng

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa sơ thẩm ngày 14/9/2023, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: qua nhiều lần hòa giải bà P không thừa nhận có nhận 10.000.000 đồng, bà H do tin tưởng bà P không có làm giấy tờ việc giao nhận tiền nên bà chấp nhận không đòi lại số tiền này nữa. Nay bà H yêu cầu buộc bà P trả lại bà H số tiền 80.000.000 đồng có làm biên nhận, bà H đã nhận từ ông MT 7.000.000 đồng theo TN 3 bên tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công An thành phố B. Số tiền còn lại 73.000.000 đồng yêu cầu bà P trả lại cho bà H.

Đối với yêu cầu phản tố của bà H bà P không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Đơn yêu cầu phản tố và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị P trình bày:

Năm 2017, bà H có nhờ người quen của bà H là ông Trần V liên hệ gặp bà nhờ xin việc làm cho anh Lê A . Do ông Trần V nguyên là học viên lớp Lương y mà bà giảng dạy nên bà nhận lời giúp đỡ. Theo quy định của Chính phủ, y bác sĩ mới ra trường phải theo học thực hành tại cơ sở y tế có quy mô khám chữa bệnh trên 20 giường thì mới được cấp chứng nhận, có giấy chứng nhận thực hành ít nhất một năm mới bổ túc hồ sơ xin việc làm. Tuy nhiên, còn phải tùy thuộc vào cơ sở y tế đó xem xét quyết định nhận hay không nhận hồ sơ xin việc. Sau đó, bà đã giới thiệu anh Lê A vào thực tập tại Bệnh viện T. Anh Lê A đã thực tập hết thời gian 01 năm (tháng 3/2018) và đã được cấp giấy chứng nhận theo quy định. Trong quá trình lo tìm việc cho anh Lê A , bà H đã đưa cho bà số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 26/9/2017, bà có viết biên nhận ngày 26/9/2017 và biên nhận này cho bà H giữ. Số tiền 80.000.000 đồng bà nhận của bà H thì bà đã sử dụng 40.000.000 đồng để lo quà cáp, bồi dưỡng phục vụ cho quá trình xin việc làm cho anh Lê A . Sau này, do không xin được việc làm cho Lê A nên bà đã trả lại cho bà H số tiền còn lại là 40.000.000 đồng. Số tiền 40.000.000 đồng này bà H điện thoại kêu bà đưa cho ông Nguyễn MT (do bà H nói là người bà con của bà H) nên bà đã đưa 40.000.000 đồng cho ông MT nhận thay bà H. Việc giao nhận tiền này không làm biên nhận, bà vừa nói chuyện điện thoại với bà H vừa giao tiền cho ông MT, không ai chứng kiến. Bà H cũng không trả lại biên nhận ngày 26/9/2017 cho bà. Sau khi bà đưa tiền cho ông MT nhận thay bà H thì hai bên không còn liên lạc với nhau nữa. Đến tháng 02/2022 bà nhận được giấy mời của Công An thành phố B để làm việc theo đơn tố giác của bà H. Qua làm việc tại Công An thành phố B thì ông MT có trả lại cho bà H số tiền 20.000.000 đồng, có làm biên bản giao nhận có ông MT, bà H và bà cùng ký tên vào. Bà chỉ có nhận số tiền 80.000.000 đồng của bà H để lo thủ tục xin việc cho Lê A , quá trình xin việc đã sử dụng hết 40.000.000 đồng, còn 40.000.000 đồng đã trả lại cho bà H, do ông MT nhận thay bà H. Do đó, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa, bà P xác định trong 80.000.000 đồng bà H giao cho bà có 40.000.000 đồng là tiền bà H bồi dưỡng cho bà, việc thỏa thuận chi phí bồi dưỡng các bên chỉ thỏa thuận miệng, không làm văn bản, 40.000.000 đồng còn lại sau khi bà H thấy bà không xin được việc làm đã gọi điện yêu cầu bà giao lại cho ông MT, có sự chứng kiến của con bà H là Lê A. Bà có yêu cầu bà H trả lại biên nhận cho bà nhưng bà H nói quên đem, vì tin tưởng nên bà trả lại 40.000.000 đồng khi chưa nhận lại biên nhận.

Việc bà H đưa tiền cho bà là làm theo thỏa thuận TN ý chí giữa các bên, có ký biên nhận giao nhận rõ ràng nhưng bà H cho rằng bà “lừa đảo, chiếm đoạt tài sản” và tố cáo bà ra cơ quan công an. Bà H đã đưa ra những thông tin sai sự thật có nội dung xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà. Việc bà H làm đơn tố cáo bà đến Công an xã Nh và cơ quan Công An thành phố B với tội danh lừa đảo, chiếm đoạt tài sản tạo điều kiện cho công an xã Nh loan truyền ra tổ nhân dân tự quản ấp 2B cùng các người dân trong xã đều biết. Bên cạnh đó, việc cơ quan điều tra điều động lực lượng đến nhà bà gây áp lực cho bà làm bà bị khủng hoảng tinh thần, không dám ra ngoài làm ăn hay giao tiếp với ai để làm việc có thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình. Trước khi bà H tố cáo bà, bà làm công việc chăm cứu tại nhà do bà có bằng y sỹ y học cổ truyền, thu nhập mỗi ngày 500.000 đồng, quá trình điều tra 05 tháng từ tháng 02/2022 đến tháng 6/2022 số tiền bà bị mất thu nhập trong 05 tháng là 65.000.000 đồng. Thiệt hại về tinh thần bà phải chịu trong 05 tháng điều tra tương đương 05 tháng lương hưu của bà là 55.651.500 đồng. Do đó, bà P có yêu cầu phản tố, yêu cầu bà H phải bồi thường cho bà số tiền 120.651.500 đồng. Bà đồng ý trả cho bà H số tiền 40.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền bà H phải bồi thường cho bà.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị H: Buộc bà Huỳnh Thị P có trách nhiệm trả lại cho bà Thái Thị H số tiền 73.000.000 (Bảy mươi ba triệu) đồng

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị P về việc yêu cầu bà Thái Thị H bồi thường số tiền 120.651.500 (Một trăm hai mươi triệu sáu trăm năm mươi một nghìn năm trăm) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/10/2023, bị đơn bà Huỳnh Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng của các bên đương sự, xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 285, Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà P yêu cầu triệu tập chị Lê Thị M (con gái của bà Thái Thị H) tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên qua tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy việc giải quyết vụ án không có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của chị Thẩm nên không đưa chị Thẩm tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Thái Thị H yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị P trả lại số tiền 73.000.000 đồng, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính Biên nhận ngày 26/9/2017.

Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn bồi thường tổn thất tinh thần và mất thu nhập trong thời gian bị đơn bị cơ quan công an điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản do bị nguyên đơn tố cáo (từ tháng 02/2022 đến tháng 6/2022) số tiền bị mất thu nhập trong 05 tháng là 65.000.000 đồng và thiệt hại về tinh thần trong 05 tháng điều tra tương đương 05 tháng lương hưu là 55.651.500 đồng, tổng số tiền là 120.651.500 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Biên nhận ngày 26/9/2017 có nội dung: “Ngày 26/9/2017 bà Huỳnh P hiện công tác tại Trung tâm SK có nhận của chị Thái Thị H Mỏ Cày Bến Tre số tiền 80.000.000 đồng, Lý do xin việc làm”. Bà P thừa nhận Biên nhận ngày 26/9/2017 do bà viết và ký tên và bà có nhận của bà H số tiền 80.000.000 đồng

nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Lý do bà H 80.000.000 đồng cho bà P là để bà P xin việc làm cho con bà H là anh Lê A . Bà P cho rằng bà không cam kết sẽ xin được việc làm cho con bà H mà chỉ xin để thực tập tại bệnh viện tâm thần; trong 80.000.000 đồng có 40.000.000 đồng là tiền bà H bồi dưỡng cho bà do các bên thỏa thuận miệng và 40.000.000 đồng bà đã đưa cho ông Nguyễn MT theo yêu cầu của bà H có sự chứng kiến của anh Lê A . Tuy nhiên, lời trình bày của bà P không có chứng cứ chứng minh.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2022 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công An thành phố B ông Nguyễn MT khai lúc bà P đưa ông 20.000.000 đồng thì ông chưa gặp bà H và Lê A, chỉ nghe bà P nói nhờ xin việc cho anh Lê A , khoảng vài tháng sau ông mới được hẹn cho gặp mặt anh Lê A và bà H tại quán NH, bà P chỉ đưa ông số tiền 20.000.000 đồng và hồ sơ xin việc, ngoài ra không đưa thêm khoản tiền nào khác. Như vậy, lời trình bày của bà P về việc đã trả lại bà H 40.000.000 đồng thông qua việc đưa ông MT là không có căn cứ.

Bà P cho rằng ông MT thừa nhận tại cơ quan điều tra đã nhận của bà P 20.000.000 đồng và đã chuyển trả lại cho bà H 7.000.000 đồng, còn nợ lại bà H 13.000.000 đồng, nên nghĩa vụ trả số tiền 13.000.000 đồng còn lại là của ông MT.

Xét thấy, thỏa thuận xin việc làm cho anh Lê A được thực hiện giữa bà H và bà P. Tuy ông MT thừa nhận có nhận của bà P 20.000.000 đồng nhưng việc bà P đưa tiền cho ông MT không có sự thỏa thuận, TN với bà H, nên người có nghĩa vụ trong giao dịch với bà H là bà P. Căn cứ theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự “*Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý*”. Do bà H không đồng ý nên nghĩa vụ trả số tiền 13.000.000 đồng trong số tiền 20.000.000 đồng ông MT đã nhận không chuyển giao từ bà P sang ông MT.

Căn cứ theo Biên nhận nhận ngày 26/9/2027, lý do bà H đưa bà P 80.000.000 đồng là để xin việc làm. Do bà P không thực hiện được việc xin việc làm, mục đích giao dịch dân sự không đạt được nên bà H khởi kiện yêu cầu bà P trả lại số tiền còn lại là 73.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 118, Điều 166 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường tổn thất tinh thần và mất thu nhập trong thời gian 5 tháng (từ tháng 02/2022 đến tháng 6/2022) tổng số tiền là 120.651.500 đồng:

Xét thấy, hành vi tố cáo của bà H đối với bà P tại cơ quan điều tra và hành vi khởi kiện đòi tài sản của bà H đối với bà P là hành vi nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân được pháp luật cho phép. Trong quá trình điều tra bà P không bị tạm giam, tạm giữ và vẫn được hưởng lương hưu hàng tháng, bà P cũng không có chứng cứ chứng minh thiệt hại theo yêu cầu của bà. Do đó, yêu cầu phản tố của bà P là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phương phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng bà P là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 118, 166, 370, 468, 584, 592 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị H

Buộc bà Huỳnh Thị P có trách nhiệm trả lại cho bà Thái Thị H số tiền 73.000.000 (Bảy mươi ba triệu) đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị P về việc yêu cầu bà Thái Thị H bồi thường số tiền 120.651.500 (Một trăm hai mươi triệu sáu trăm năm mươi một nghìn năm trăm) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị P được miễn. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho bà Thái Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009958 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị P được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng